Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4905.90.00

Mã HS	4905.90.00
Mô tả hàng hóa	Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 08:57:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49059000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7764
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7764
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7764
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7485
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7438
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7438
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7438
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7438
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7438
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7438
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7488
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7488
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7488

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7488
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7488
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7488
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7489
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7489
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7489
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7489
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7489
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7489
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7490
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7444
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7452
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7452
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7452
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7452
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7452
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7452
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7474
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7474
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7474
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7474
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7474
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7474
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7520
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7520
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7520

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7520
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7520
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7520
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D7500
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E7500
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F7500
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G7500
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H7500
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I7500
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7513
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7513
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7513
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7513
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7513
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7513
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7517
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7517
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7517
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7517
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7517
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7517
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7518
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7518
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7518
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7518
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7518

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7518
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7468
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7468
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7468
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7468
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7468
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7468
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7468
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7505
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7505
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7505
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7505
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7505
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7505
RCEP B	2022	2022	0	B!D7505
RCEP B	2023	2023	0	B!E7505
RCEP B	2024	2024	0	B!F7505
RCEP B	2025	2025	0	B!G7505
RCEP B	2026	2026	0	B!H7505
RCEP B	2027	2027	0	B!I7505
RCEP C	2022	2022	0	C!D7505
RCEP C	2023	2023	0	C!E7505
RCEP C	2024	2024	0	C!F7505
RCEP C	2025	2025	0	C!G7505
RCEP C	2026	2026	0	C!H7505
RCEP C	2027	2027	0	C!I7505

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D7505
RCEP D	2023	2023	0	D!E7505
RCEP D	2024	2024	0	D!F7505
RCEP D	2025	2025	0	D!G7505
RCEP D	2026	2026	0	D!H7505
RCEP D	2027	2027	0	D!I7505
RCEP E	2022	2022	0	E!D7508
RCEP E	2023	2023	0	E!E7508
RCEP E	2024	2024	0	E!F7508
RCEP E	2025	2025	0	E!G7508
RCEP E	2026	2026	0	E!H7508
RCEP E	2027	2027	0	E!I7508
RCEP F	2022	2022	0	F!D7505
RCEP F	2023	2023	0	F!E7505
RCEP F	2024	2024	0	F!F7505
RCEP F	2025	2025	0	F!G7505
RCEP F	2026	2026	0	F!H7505
RCEP F	2027	2027	0	F!I7505
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6941
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6941
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6941
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6941

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH NK XK trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm (22/2018/TT-BTTTT-PL2)		22/2018/TT-BTTTT-PL	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 4905.90.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 4905.90.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4905.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4905.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7764), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH NK XK trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm (22/2018/TT-BTTTT-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.